TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ H2 CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 09-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ H2 CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần H2 đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các H2 thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Ông Nguyễn Đàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại H2 trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992; địa chỉ: khối Viêm Trung, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

b/ Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn T 5, xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt)

c/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1940; địa chỉ: thôn T 5, xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn H1 kết hôn vào ngày 08/9/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H1 không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân hơn 01 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H1.

Về con chung : vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H2, sinh ngày: 08/11/2015.

Hiện nay con đang sống cùng chị H. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: vợ chồng có 18 chỉ vàng 98% và gởi cho mẹ chồng là bà Phan Thị Đ giữ giúp. Nay ly hôn, chị yêu cầu chia số vàng trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Ngoài ra, chị H không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trần Văn H1 trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn, anh H1 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị H, không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình vợ xúi giục chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả. Sau khi sinh con, chị H về nhà mẹ đẻ sống, bản thân anh H1 thường xuyên đến thăm vợ con. Anh H1 nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H không về. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như lời trình bày của chị H. Hiện con đang sống chung với chị H. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh H1 không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng có 18 chỉ vàng 98% do mẹ anh là bà Phan Thị Đ giữ. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao số vàng trên cho chị H và chị H phải viết giấy tờ chứng minh.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị Đ trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Trần Văn H1. Vào năm 2014, bà cưới vợ cho con trai Trần Văn H1 và có được số vàng cưới 18 chỉ vàng 98%. Vợ chồng anh H1 có nhờ bà giữ giúp số vàng trên. Nay vợ chồng Hoa, H1 ly hôn thì bà giao lại số vàng trên để các con tự giải quyết.

Về mâu thuẫn của vợ chồng anh H1 chị H là do anh H1 thường uống rượu về nhà đánh đập vợ con nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Hiện tại hai con không còn sống chung với nhau nữa. Việc anh H1 chị H mâu thuẫn dẫn đến ly hôn thì bà không có ý kiến gì.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, H2 đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyễn đơn, người liên quan chấp hành tốt quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Buộc anh Trần Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung: đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, H2 đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đ là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Văn H1. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: thôn T 5, xã Điện T, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn anh Trần Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H1 có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H1 không có trách

nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ. Anh H1 không thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng và cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh vẫn còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ với chị H để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh H1 đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H không đồng ý. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì không rõ mâu thuẫn của vợ chồng nhưng hiện nay vợ chồng không còn sống chung nữa. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là mẹ ruột của anh H1 cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do anh H1 thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ con, hiện tại vợ chồng không sống chung với nhau nữa. Anh H1 không muốn ly hôn nhưng nhiều lần không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh không coi trọng cuộc hôn nhân này. Qua đó cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1 là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung**:** Chị H và anh H1 có 01 con chung tên là Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015, hiện cháu H2 đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu H2 và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Anh H1 không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

H2 đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh H1 đều có nguyện vọng nuôi con chung nếu Tòa giải quyết cho ly hôn. Hiện cháu H2 vẫn đang ở độ tuổi thiếu niên nên cần sự chăm sóc, giáo dục, nhất là của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, H2 đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ thống nhất giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. HĐXX xét thấy, trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nhu cầu hiện tại của con và thu nhập của người cấp dưỡng. Yêu cầu của chị H buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với nhu cầu thực tế của cháu H2 tại địa phương và thu nhập của anh H1 nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, HĐXX buộc anh Trần Văn H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015 với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi Trần Văn H2 đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, ý kiến của chị H hoàn toàn tự nguyện,

không trái quy định của pháp luật nên HĐXX áp dụng Điều 244 BLTTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

Về nợ chung: không có

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 59 ; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật HN&GĐ; Điều 468 BLDS; Điều 244 BLTTDS; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Trần Văn H1 cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Văn H2, sinh ngày 08/11/2015 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi Trần Văn H2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị H về việc chia 18 chỉ vàng 98%.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.112.000đ tại biên lai thu số 0001736 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành

án dân sự thị xã Điện Bàn. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 812.000đ (tám trăm mười hai nghìn đồng) tiền chênh lệch.

Anh Trần Văn H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gởi đến.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND xã Điện T ;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. H2 ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân